

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày 04-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Út.

2. Ông Kiên Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2020/HSST, ngày 05 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Thạch T** (tên gọi khác: Hứa Văn T), sinh năm 1976 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: khóm 1*, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: không nghề nghiệp; Trình độ văn hoá: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Phật giáo.

Con ông Hứa Văn Đ (đã chết) và bà Kim Thị H (đã chết). Anh chị em ruột: có 01 người, sinh năm 1982. Vợ tên Trần Mỹ H1, sinh năm 1977; Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền sự: không.

Tiền án: 02.

- Vào ngày 20/9/2007 Thạch T bị Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 07/6/2010.

- Vào ngày 22/12/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xử phạt 07 năm tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 01/8/2018.

- Vào ngày 20/02/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xử phạt 04 năm tù về tội trộm cắp tài sản.

- Nhân thân vào ngày 29/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo đang bị tạm giam theo bản án số: 32/2020/HS-ST, ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt tại phiên tòa).

2. **Trần Minh G** (tên gọi khác: Thạch G), sinh năm 1982 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: khóm 3*, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Phật giáo.

Con ông Hứa Văn Đ (đã chết) và bà Kim Thị H (đã chết). Anh chị em ruột: có 01 người, sinh năm 1976. Vợ tên Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1982. Con có 04 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền sự: không.

Tiền án: 02.

- Ngày 25/8/2003 Trần Minh G bị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử phạt 08 năm tù về tội “ Cướp tài sản, cướp giết tài sản, trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 27/4/2009.

- Ngày 16/3/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 01/8/2014.

- Nhân thân vào ngày 20/02/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Châu Bình theo bản án số: 04/2020/HS-ST, ngày 20/02/2020 và Quyết định thi hành hình phạt tù số: 13/2020/QĐ-CA, ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. (Có mặt tại phiên tòa).

3. **Đặng Văn K** (tên gọi khác: B), sinh năm 1993 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Số 11*, khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Đặng Văn M, sinh năm 1971 và bà Lê Thị P, sinh năm 1968. Anh chị em ruột: có 01 người, sinh năm 1991. Vợ tên Nguyễn Thị Bích L, sinh năm: 1990. Con có 01 người, sinh năm 2010.

Tiền sự: 01. Vào ngày 10/10/2018 bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với mức phạt 1.500.000 đồng.

Tiền án: 01.

- Ngày 10/5/2013 Đặng Văn K bị Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xử phạt 04 năm tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 08/9/2016.

- Nhân thân vào ngày 29/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo đang bị tạm giam theo bản án số: 32/2020/HS-ST, ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt tại phiên tòa).

4. **Nguyễn Phong Q**, sinh năm 1982 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Số 8*, khóm N, phường 5*, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960. Anh chị em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1979, người nhỏ nhất 1986.

Tiền sự: không.

Tiền án: không.

Nhân thân vào ngày 29/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo đang bị tạm giam theo bản án số: 32/2020/HS-ST, ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

1. Bà Văn Thị N, sinh năm 1973; (vắng mặt có lý do).

2. Ông Trần Văn G, sinh năm 1971. (vắng mặt có lý do).

Đồng trú: ấp Đ, xã ĐM, huyện C, tỉnh T.

3. Ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1964. Nơi cư trú: thôn T, xã IA, huyện Đ, tỉnh G. (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp K, xã T, huyện V, tỉnh V. (vắng mặt có lý do).

5. Ông Ngô Văn H, sinh năm 1959. Nơi cư trú: ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh T. (vắng mặt có lý do).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Mỹ H, sinh năm 1977; (có mặt).

2. Chị Trần Ngọc V, sinh ngày 04/11/2006. (vắng mặt có lý do).

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật cho chị V: Bà Trần Mỹ H, sinh năm 1977; (có mặt).

Đồng trú: khóm 1*, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa gồm: không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 07/6/2019, tại quán cà phê Út Bưởi tọa lạc khóm 6, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Thạch T rủ bị cáo Nguyễn Phong Q, bị cáo Trần Minh G và bị cáo Đặng Văn K đi trộm cắp tài sản thì Q, G và K đồng ý. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô của T (không rõ biển số) chở G, K điều khiển xe mô tô của K (không rõ biển số) chở T đi trên các tuyến lộ tìm tài sản của người dân để lấy trộm. Khi đến nhà tạm của bị hại Nguyễn Đức S, sinh năm 1964, nơi cư trú thôn T, xã IA, huyện Đ, tỉnh G (nhà tạm tọa lạc tại ấp Mỹ Hiệp A, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh). Lúc này khoảng 01 giờ, T kêu Q và K dừng xe, sau đó, T và G đi bộ vào, căn nhà tạm có một lối ra vào, không có cửa đóng và có mắc bóng đèn thấp sáng, T vào lấy trộm của bị hại S một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, vỏ màu vàng đồng; một dây chuyền bằng bạc, có mặt bằng nanh heo và một vòng đeo tay bằng ngà voi để trên đầu nằm trong mùng bị hại S đang ngủ. Sau khi lấy được tài sản trên, T, G, Q và K tiếp tục phát hiện nhà của chị Nguyễn Thị Thảo N2, sinh năm 1993; nơi cư trú ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, không có cửa đóng và có mắc bóng đèn thấp sáng. Lúc này khoảng 01 giờ 30 phút cùng

ngày, Q và K ở ngoài, T và G đi bộ vào, khi vào nhà T lấy trộm một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6, vỏ màu đen và một điện thoại di động hiệu OPPO NEO 7, vỏ màu vàng đồng của bị hại Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1972; nơi cư trú ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long đang để trong mùng của bị hại N1 đang ngủ. Sau đó, Q tiếp tục điều khiển xe mô tô chở G, K điều khiển xe mô tô chở T đi đến nhà bà Văn Thị N, sinh năm 1973; nơi cư trú ấp Đ, xã ĐM, huyện C, tỉnh Trà Vinh, phát hiện cửa bên hông nhà không có đóng cửa nên Q, K dừng xe cho G và T đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản. Lúc này khoảng 02 giờ cùng ngày, khi vào bên trong nhà T phát hiện bị hại Ngô Văn H, sinh năm 1959; nơi cư trú ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh T đang ngủ trong mùng gần cửa có một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3, T lấy điện thoại này đưa cho G, T tiếp tục đi đến hành lang trước cửa nhà lấy trộm một máy tính bảng hiệu Mastell Tad 700, vỏ màu xanh và một điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, loại điện thoại bàn phím của bị hại Trần Văn G, sinh năm 1971; nơi cư trú ấp Đ, xã ĐM, huyện C, tỉnh T đang để trong mùng, T đưa điện thoại cho G cất rồi T tiếp tục đi đến bàn thờ lấy một điện thoại di động màn hình cảm ứng màu trắng hiệu Mobiistar đưa cho G.

Do sợ bị phát hiện nên G và T bước ra ngoài kêu K vào trong nhà và đứng tại nơi bị hại Hùng ngủ để canh gác. G và T tiếp tục vào tìm tài sản trong phòng ngủ, G lấy trộm một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 pro, vỏ màu đen, T lấy trộm một cái mền để trong bọc nhựa và một vali đồ đem ra ngoài. Khi T mang mền ra chỗ Q và K kiểm tra thì phát hiện bên trong có một bọc đen chứa nhiều vàng các loại như vàng 24Kra có một kiềng cổ trọng lượng 02 chỉ và một vòng tay trọng lượng 01 chỉ; vàng 18Kra có một kiềng cổ trọng lượng 0,87 chỉ, một lắc kiềng trọng lượng 1,450 chỉ, một vòng kiềng trọng lượng 1,684 chỉ, một lắc tim trọng lượng 1,732 chỉ, một vòng châu trọng lượng 1,187 chỉ, một mặt châu trọng lượng 0,545 chỉ, một dây chuyền vàng, trọng lượng 1,238 chỉ, một đôi bông trọng lượng 0,566 chỉ, một dây chuyền trọng lượng 1,710 chỉ. T giao tài sản trộm được cho K quản lý. Sau đó, T, G, Q và K về nhà T chia tài sản trộm được, T lấy một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 vỏ màu vàng đồng và một điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro, vỏ màu đen; G lấy một máy tính bảng hiệu Mastell Tad 700, vỏ màu xanh và một máy điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6, vỏ màu đen; K và Q mỗi người lấy một điện thoại di động cảm ứng (không nhớ đặc điểm). Còn lại điện thoại di động hiệu Nokia và hiệu Mobiistar thấy bị hư, sợi dây chuyền bằng bạc, có mặt bằng nanh heo và vòng đeo tay bằng ngà voi do nghĩ không có giá trị nên đã vứt bỏ. Đối với phần vàng trộm được, đến khoảng 10 giờ cùng ngày T lấy một phần đi bán tại một tiệm vàng (không rõ địa chỉ) với giá 11.000.000 đồng, phần còn lại T đưa cho Q và bà Trần Mỹ H, sinh năm 1977; nơi cư trú khóm 1*, phường A, thành phố T, tỉnh T đi bán với giá 10.700.000 đồng. Số tiền bán vàng T chia cho Q, K mỗi người 5.000.000 đồng và G 4.600.000 đồng, còn lại T giữ lại và tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 669/KL-ĐGTS ngày 21/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết

lược: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3, màn hình cảm ứng, màu vàng đồng; 01 máy tính bảng hiệu Mastell Tad 700, vỏ màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, loại điện thoại bàn phím; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Mobiiista, màu trắng; 01 máy điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7 Pro, vỏ màu đen; vàng 24Kra có 01 kiềng cổ trọng lượng 02 chỉ và 01 vòng tay trọng lượng 01 chỉ; vàng 18Kra có 01 kiềng cổ trọng lượng 0,87 chỉ, 01 lắc kiềng trọng lượng 1,450 chỉ, 01 vòng kiềng trọng lượng 1,684 chỉ, 01 lắc tim trọng lượng 1,732 chỉ, 01 vòng châu trọng lượng 1,187 chỉ, 01 mặt châu trọng lượng 0,545 chỉ, 01 dây chuyền vàng, trọng lượng 1,238 chỉ, 01 đôi bông trọng lượng 0,566 chỉ, 01 dây chuyền trọng lượng 1,710 chỉ của bà Văn Thị N, ông Trần Văn G và ông Ngô Văn H tại thời điểm bị chiếm đoạt, tổng trị giá 46.148.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 671/KL-ĐGTS ngày 24/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, vỏ màu vàng đồng; 01 dây chuyền bằng bạc, trọng lượng 02 lượng, có mặt bằng nanh heo; 01 vòng đeo tay bằng ngà voi của ông Nguyễn Đức S tại thời điểm bị chiếm đoạt có tổng trị giá 34.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 670/KL-ĐGTS ngày 24/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 máy điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6, vỏ màu đen và 01 máy điện thoại di động hiệu Oppo Neo 7, vỏ màu vàng đồng của bà Nguyễn Thị Thanh N1 tại thời điểm bị chiếm đoạt, tổng trị giá 5.500.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chứng minh được bị cáo Thạch T và bị cáo Trần Minh G có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích.

Đồng thời, ngoài tài sản bị mất như đã nêu trên, bị hại Nguyễn Đức S trình bày còn bị mất tiền là 5.000.000 đồng, bị hại Nguyễn Thị Thanh N1 mất 2.800.000 đồng, bị hại Ngô Văn H mất 3.300.000 đồng. Tuy nhiên, do bị hại S, bị hại N1 và bị hại H không yêu cầu bồi thường nên không xem xét số tiền này.

Tại Cáo trạng số: 20/CT-VKSCL, ngày 04/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố các bị cáo Thạch T, Trần Minh G về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố các bị cáo Đặng Văn K, Nguyễn Phong Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Thạch T, Trần Minh G, Đặng Văn K và Nguyễn Phong Q thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Trong khoảng thời gian từ 01 giờ đến 02 giờ sáng ngày 07/6/2019, tại ấp Mỹ Hiệp A và ấp Đức Mỹ, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, các bị cáo lén lút cùng trộm cắp tài sản của các bị hại Nguyễn Đức S, Nguyễn Thị Thanh N1, Ngô Văn H, Văn Thị N và Trần Văn G với tổng giá trị tài sản bị

chiếm đoạt trị giá 85.648.000 đồng. Làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đồng thời vị đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Thạch T từ 05 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp với phần hình phạt 07 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 32/2020/HS-ST, ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long là từ 12 năm đến 13 năm tù. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày 06/10/2019.

- Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Minh G từ 03 năm đến 04 năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp với phần hình phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 04/2020/HS-ST, ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là từ 05 năm đến 06 năm tù. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày 06/10/2019.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đặng Văn K từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp với phần hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 32/2020/HS-ST, ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long là từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày 29/01/2020.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phong Q từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp với phần hình phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 32/2020/HS-ST, ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long là 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày 06/12/2019.

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo.

Ngoài ra, vị còn đề nghị xử lý vật chứng vụ án và án phí theo quy định.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét mức độ phạm tội của các bị cáo và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1] Về thủ tục tố tụng: bị hại Nguyễn Đức S vắng mặt tại phiên tòa do đang điều trị bệnh tại bệnh viện, xét qua lời khai của ông S tại cơ quan điều tra thì ông S đồng ý các tài sản bị mất trộm như bản kết luận điều tra của cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long và đồng ý với giá trị tài sản mà Hội đồng định giá đã định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường tài sản bị mất trộm cho ông S nên việc vắng mặt của ông S không làm trở ngại cho việc bồi thường thiệt hại về tài sản. Mặt khác, thời hạn chuẩn xét xử đã hết, do đó căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Thạch T, Trần Minh G, Đặng Văn K và Nguyễn Phong Q tại phiên tòa hôm nay là “trong khoảng thời gian từ 01 giờ đến 02 giờ sáng ngày 07/6/2019, tại ấp Mỹ Hiệp A và ấp Đức Mỹ, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, các bị cáo lén lút cùng trộm cắp tài sản của các bị hại Nguyễn Đức S, Nguyễn Thị Thanh N1, Ngô Văn H, Văn Thị N và Trần Văn G với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trị giá 85.648.000 đồng” phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại và người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan cùng với các tài liệu, vật chứng và các chứng cứ khác do cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

Do vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố các bị cáo Thạch T và Trần Minh G về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Đặng Văn K và Nguyễn Phong Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng qui định pháp luật.

[3] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích cho gia đình, nhưng các bị cáo không làm được việc này, lợi dụng sự sơ hở của các bị hại, các bị cáo lấy trộm tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài nên đã đưa các bị cáo lao vào con đường phạm tội. Các bị cáo Thạch T, Trần Minh G và Đặng Văn K đã từng bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, các bị cáo biết rõ hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện và thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của những người bị hại mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, hành vi của các bị cáo là thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết nhằm đề răn đe, giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò khác nhau vì vậy cần phải xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để lên cho các bị cáo một mức hình phạt tương xứng và phù hợp với qui định của pháp luật.

- *Đối với bị cáo Thạch T:* bị cáo là người giữ vai rủ rờ đi trộm cắp tài sản, bị cáo cùng với bị cáo G trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản.

- *Đối với bị cáo Trần Minh G:* bị cáo cùng với bị cáo T trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

- *Đối với các bị cáo Đặng Văn K và bị cáo Nguyễn Phong Q:* các bị cáo mặc dù không trực tiếp lấy trộm tài sản nhưng các bị cáo với vai trò giúp sức tích cực và các tài sản sau khi bị cáo T và bị cáo G lấy trộm được thì do các bị cáo quản lý.

Do đó, cần xem xét khi lượng hình đối với từng bị cáo, hình phạt áp dụng đối với bị cáo T cao hơn bị cáo G, hình phạt áp dụng đối với bị cáo G cao hơn các bị cáo K và Q.

[4] Để ổn định tình hình trật tự ở địa phương, vì vậy cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho các hành vi tương tự.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo Hội đồng xét xử cũng cần xem xét những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- *Tình tiết giảm nhẹ:* trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Thạch T, Trần Minh G, Nguyễn Phong Q và Đặng Văn K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội, các bị cáo có trình độ học vấn thấp, am hiểu pháp luật còn hạn chế, là người dân tộc. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật

hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 được áp dụng đối với các bị cáo.

- *Tình tiết tăng nặng*: bị cáo Đặng Văn K có một tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo Thạch T, Trần Minh G và Nguyễn Phong Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: các bị hại như Trần Văn G và Văn Thị N yêu cầu các bị cáo bồi thường lại đúng số vàng bị mất trộm, riêng các tài sản khác như điện thoại, máy tính bảng thì yêu cầu các bị cáo bồi thường theo giá trị mà Hội đồng định giá đã định.

Đối với các bị hại Ngô Văn H, Nguyễn Đức S và Nguyễn Thị Thanh N1 yêu cầu các bị cáo bồi thường tài sản bị mất trộm theo giá trị mà Hội đồng định giá đã định.

Trong quá trình điều tra các bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường tài sản đã lấy trộm cho các bị hại như các bị hại yêu cầu nên ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo. Nên về trách nhiệm dân sự các bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại:

- Ngô Văn H: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 giá 1.400.000 đồng.

- Văn Thị N: 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, vỏ màu trắng giá 400.000 đồng; 01 kiềng cổ trọng lượng 02 chỉ vàng 24Kra; 01 vòng tay trọng lượng 01 chỉ vàng 24Kra; có 01 kiềng cổ trọng lượng 8,7 phân vàng 18Kra; 01 lắc kiềng trọng lượng 1,450 chỉ vàng 18Kra; 01 vòng kiềng trọng lượng 1,684 chỉ vàng 18Kra; 01 lắc tim trọng lượng 1,732 chỉ vàng 18Kra; 01 vòng châu trọng lượng 1,187 chỉ vàng 18Kra; 01 mặt châu xỏ trọng lượng 5,45 phân vàng 18Kra; 01 dây chuyền trọng lượng 1,238 chỉ vàng 18Kra; 01 đôi bông tai trọng lượng 5,66 phân vàng 18Kra; 01 dây chuyền trọng lượng 1,710 chỉ vàng 18Kra.

- Trần Văn G: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen, loại bàn phím giá 450.000 đồng và 01 máy tính bảng hiệu Mastell Tad 700, vỏ màu xanh giá 950.000 đồng.

- Nguyễn Đức S: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, vỏ màu vàng đồng giá 4.000.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng bạc, có mặt bằng nanh heo giá 15.000.000 đồng và 01 vòng đeo tay bằng ngà voi giá 15.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Thanh N1: 01 điện thoại hiệu Galaxy J6, vỏ màu đen giá 3.000.000. đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO NEO 7, vỏ màu vàng đồng giá 2.500.000 đồng.

[6] Về vật chứng:

- Đối với 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu đen của bà Văn Thị N và 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu trắng của ông Ngô Văn H còn giá trị sử dụng nên tuyên trả cho bà N và ông H.

- Đối với 01 nặn thun bằng gỗ; 01 cục đá xanh có trọng lượng 600g không còn giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy J7 Pro, vỏ màu đen bị cáo T cho con gái tên Trần Ngọc V sử dụng, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Càng Long đã thu hồi và trả lại cho bị hại Văn Thị N và bị hại N không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xem xét, xử lý.

[7] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 327, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

[1] Tuyên bố các bị cáo Thạch T (Hứa Văn T), Trần Minh G (Thạch G), Đặng Văn K (B) và Nguyễn Phong Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[1.1] Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Thạch T (Hứa Văn T) 05 (năm) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp với phần hình phạt 07 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 32/2020/HS-ST, ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc bị cáo Thạch T (Hứa Văn T) phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/10/2019.

[1.2] Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Minh G (Thạch G) 03 (ba) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp với phần hình phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 04/2020/HS-ST, ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Buộc bị cáo Trần Minh G (Thạch G) phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/10/2019.

[1.3] Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn K (B) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp với phần hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 32/2020/HS-ST, ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc bị cáo Đặng Văn K (B) phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 29/01/2020.

[1.4] Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phong Q 02 (hai) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp với phần hình phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 32/2020/HS-ST, ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc bị cáo Nguyễn Phong Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/12/2019.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 586, 587, 589 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo Thạch T (Hứa Văn T), Trần Minh G (Thạch G), Đặng Văn K (B) và Nguyễn Phong Q cho các bị hại:

- Ngô Văn H: số tiền 1.400.000 đồng.

- Văn Thị N: số tiền 400.000 đồng; 01 kiềng cổ trọng lượng 02 chỉ vàng 24Kra; 01 vòng tay trọng lượng 01 chỉ vàng 24Kra; có 01 kiềng cổ trọng lượng 8,7 phân vàng 18Kra; 01 lắc kiềng trọng lượng 1,450 chỉ vàng 18Kra; 01 vòng kiềng trọng lượng 1,684 chỉ vàng 18Kra; 01 lắc tim trọng lượng 1,732 chỉ vàng 18Kra; 01 vòng châu trọng lượng 1,187 chỉ vàng 18Kra; 01 mặt châu xỏ trọng lượng 5,45 phân vàng 18Kra; 01 dây chuyền trọng lượng 1,238 chỉ vàng 18Kra; 01 đôi bông tai trọng lượng 5,66 phân vàng 18Kra; 01 dây chuyền trọng lượng 1,710 chỉ vàng 18Kra.

- Trần Văn G: số tiền 1.400.000 đồng.

- Nguyễn Đức S: số tiền 34.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Thanh N1: số tiền 5.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- * *Tuyên trả:* cho bà Văn Thị N 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu đen và ông Ngô Văn H 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu trắng.

- * *Tuyên tịch thu tiêu hủy:* 01 nạn thun bằng gỗ; 01 cục đá xanh có trọng lượng 600g.

[4] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Buộc các bị cáo Thạch T (Hứa Văn T), Trần Minh G (Thạch G), Đặng Văn K (B) và Nguyễn Phong Q mỗi bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung